

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2024

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngoan.

2. Ông Tô Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 22 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà My T N (M; M), sinh năm 1973. Địa chỉ hiện nay: 231 E EMBERCREST DR ARLINGTON, TX G, Hoa Kỳ. (Địa chỉ theo Giấy chứng nhận kết hôn: 802 Hoorne, C, CO H, Hoa Kỳ). (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nhận các giấy tờ, văn bản tố tụng: Ông Phạm Nguyễn Ngân G, sinh năm 1980, địa chỉ số A, đường Đ, ấp E, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2024 và Đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà My T N (M; M) trình bày:

Bà và ông Hồ Văn H thông qua mai mối nên quen biết nhau, có tình cảm và hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào giữa năm 2016 và được Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03/2016, ngày 19/01/2016. Sau khi kết hôn bà có làm thủ tục bảo lãnh ông Hòa qua Hoa Kỳ định cư để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông H không làm thủ tục phỏng vấn. Sau khi kết hôn được khoảng 01 năm thì bà và ông H không liên lạc với nhau, do đó, nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không có, do vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà My T N (M; M) yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Văn H.

- Về con chung: Bà My T N (M; M) trình bày không có. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà My T N (M; M) trình bày không có. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay bà ở Hoa Kỳ không thể sắp xếp thời gian tham gia tố tụng tại phiên tòa được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà và cam kết không khiếu nại về sau.

Đối với bị đơn Hồ Văn H, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc thay đổi việc ấn định thời gian giải quyết vụ án, thông báo về việc không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có văn bản trả lời thông báo thụ lý của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn; về con chung, tài sản chung và nợ chung đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà My T N (M; M) là người nước ngoài, ông Hồ Văn H là người Việt Nam hiện nay đang cư trú tại địa chỉ ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Đối với bị đơn Hồ Văn H sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H nhưng ông không có kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản trả lời cho Tòa án, không đưa ra tài liệu, chứng cứ mà không có lý do chính đáng nên điều này cho thấy bị đơn đã tự từ chối quyền được trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như ý kiến phản đối hoặc đưa ra yêu cầu phản tố về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật

Tổ tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án để là căn cứ giải quyết vụ án.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2016, ngày 19/01/2016 là hoàn toàn đúng pháp luật cho nên được pháp luật công nhận đây là hôn nhân hợp pháp và cần giải quyết hậu quả phát sinh từ cuộc hôn nhân này. Sau khi kết hôn, nguyên đơn trở về Hoa Kỳ sinh sống còn bị đơn sinh sống tại Việt Nam, trong quá trình đó nguyên đơn có làm thủ tục bảo lãnh bị đơn sang Hoa Kỳ để vợ chồng chung sống với nhau nhưng bị đơn không làm thủ tục phỏng vấn và từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau cho đến nay, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, hiện nay ông, bà không còn sống chung với nhau như vợ chồng do cách trở về mặt địa lý, ông bà không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và điểm a khoản 2 Điều 464, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Xử lý hôn giữa bà My T N (M; M) và ông Hồ Văn H.

2. Về con chung: Các đương sự trình bày không có và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà My T N (M; M) phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu 0002822, ngày 04/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo trình tự tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND huyện K;
- Lưu Tòa HNGĐ&NCTN;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Định

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Ngoan Tô Ngọc Thạch Nguyễn Quốc Định

TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH SÓC TRĂNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc giờ phút, ngày 02 háng 05 năm 2024;

Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc Đ.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1.
2.

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số: 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông XU, YINGBING, sinh năm 1988. Địa chỉ: **số G, đội T, phân Trường N1, nông Trường L, huyện G, tỉnh Hồ Bắc (Trung Quốc)**. Địa chỉ tạm trú tại **Việt Nam: ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**.

- *Bị đơn:* Bà **Thạch Thị V**, sinh năm 2003. Địa chỉ: **ấp H, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 1 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết thống nhất: 3/3

2. Về nội dung yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông XU, YINGBING được ly hôn với bà **Thạch Thị**

V.

Kết quả biểu quyết thống nhất: 3/3

- Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

Kết quả biểu quyết thống nhất: 3/3

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Kết quả biểu quyết thống nhất: 3/3

3. Về các vấn đề khác:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông XU, YINGBING phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu 0002837, ngày 14/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

Kết quả biểu quyết thống nhất: 3/3

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo trình tự tự phúc thẩm.

Kết quả biểu quyết thống nhất: 3/3

Nghị án kết thúc lúc giờ phút cùng ngày 02 tháng 05 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Nguyễn Quốc Đ